

Số: 4353 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải,
khí thải tự động, liên tục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Công văn số 3154/BNNMT-MT ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tăng cường rà soát, kiểm tra, giám sát các hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải trên địa bàn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 18512/TTr-SNNMT-TTQT ngày 18 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng ĐT, KT, DA, TH;
- Lưu: VT, (ĐT/NĐD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Minh Thạnh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4353 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý vận hành, giám sát dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng cho chủ cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan trong quản lý vận hành, giám sát dữ liệu của hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Thành phần của hệ thống quan trắc tự động, liên tục gồm:* Trạm cơ sở, Trung tâm điều hành, Hệ thống truyền và thu nhận dữ liệu, trong đó:

a) *Trung tâm điều hành* là nơi tiếp nhận, xử lý, giám sát dữ liệu quan trắc từ các Trạm cơ sở truyền về; giám sát hoạt động các Trạm cơ sở. Trung tâm điều hành do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, vận hành;

b) *Trạm cơ sở* là các trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và camera giám sát được chủ cơ sở lắp đặt theo quy định tại Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 và khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ và được Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo đã hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu về Trung tâm điều hành;

c) *Hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu* bao gồm thiết bị thu nhận và truyền dữ liệu (Datalogger) và hệ thống máy chủ, hệ thống đường truyền internet để thu thập, lưu giữ và truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục từ Trạm cơ sở về Trung tâm điều hành.

2. *Chủ cơ sở* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

3. *Dữ liệu quan trắc tự động* là những dữ liệu được thu thập từ các thiết bị quan trắc môi trường tự động và hình ảnh từ các camera giám sát được lắp đặt tại các Trạm cơ sở.

4. *Dữ liệu bất thường* là dữ liệu có giá trị, xu hướng hoặc đặc điểm không phù hợp với thực tế vận hành, quy luật biến động thông thường của hệ thống, hoặc có dấu hiệu phát sinh từ lỗi kỹ thuật, sự cố thiết bị hay hành vi can thiệp dữ liệu.

5. *Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn* là hoạt động kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhưng phải đảm bảo tối thiểu 01 tháng/lần bởi đơn vị vận hành hệ thống.

6. *Bảo trì* là tập hợp các hoạt động nhằm duy trì hoặc phục hồi một thiết bị ở tình trạng nhất định hoặc đảm bảo một dịch vụ nhất định luôn hoạt động trong trạng thái tiêu chuẩn.

7. *Lỗi thiết bị* là trường hợp các thiết bị không đo được các thông số quan trắc, không truyền tín hiệu, không đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường hoặc hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải không truyền dữ liệu về Trung tâm điều hành.

8. *Dấu hiệu bất thường phát hiện qua hình ảnh camera giám sát dữ liệu quan trắc*: nước thải hoặc khí thải thay đổi đột ngột có màu sắc bất thường và kéo dài; lưu lượng xả thải thay đổi đột biến hoặc các trường hợp có dấu hiệu bất thường khác.

9. *Quan trắc viên* là viên chức, người lao động được phân công, theo dõi hệ thống quan trắc tự động, liên tục tại Trung tâm điều hành; theo dõi giám sát việc vận hành hệ thống quan trắc tự động và cung cấp thông tin, số liệu quan trắc của trạm cơ sở phục vụ công tác quản lý môi trường.

10. *Niêm phong* là hoạt động của Sở Nông nghiệp và Môi trường được thực hiện bằng cách sử dụng tem niêm phong để giữ nguyên hiện trạng, tình trạng của thiết bị trong các trạm quan trắc cơ sở nhằm kiểm soát tính toàn vẹn của dữ liệu.

11. *Xử lý dữ liệu* là các hoạt động tiếp nhận, xử lý, tổng hợp, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu để báo cáo, cảnh báo, công bố thông tin.

12. *Quan trắc trong thời gian thiết bị ngừng hoạt động từ 48 tiếng trở lên* là hoạt động lấy mẫu, phân tích mẫu được thực hiện bởi các tổ chức đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

13. *Giá trị thông số quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục* được xác định theo giá trị trung bình ngày (24 giờ) của các kết quả đo (theo đặc tính kỹ thuật của từng loại thiết bị) đối với thông số đó. Trường hợp xả nước thải, khí thải

sau xử lý theo mẻ (công nghệ xử lý theo mẻ/theo từng thời điểm), giá trị các thông số quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục được xác định theo giá trị trung bình 01 giờ; trường hợp thời gian xả dưới 01 giờ được xác định theo giá trị trung bình của các kết quả đo trong khoảng thời gian xả đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

1. Hoạt động quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định về đo lường, công nghệ thông tin và các quy định có liên quan.

2. Việc quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục được thực hiện theo cơ chế giám sát nhiều cấp, bao gồm: giám sát dữ liệu quan trắc tại Trung tâm điều hành, đối soát với hình ảnh camera giám sát; giám sát thông qua báo cáo của chủ cơ sở.

3. Hoạt động kiểm tra phải được thực hiện theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc kiểm tra đột xuất khi phát hiện hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục có dấu hiệu bất thường. Quy chế kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

4. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường liên quan đến việc lắp đặt, quản lý, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải và khí thải.

a) Thông số giám sát vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục không đúng thời hạn;

c) Sử dụng thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật; không vận hành, vận hành không đúng, không đầy đủ quy trình theo yêu cầu về quản lý, vận hành hệ thống; không lắp đặt camera theo dõi theo quy định; không lắp đặt thiết bị lấy mẫu tự động đối với nước thải tại hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải; không lưu giữ số liệu quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp theo quy định hoặc không kết nối, truyền số liệu quan trắc về cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

d) Lắp thiếu một trong các thông số quan trắc tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu quan trắc tự động, liên tục; can thiệp, làm thay đổi kết quả quan trắc tự động, liên tục trước khi truyền dữ liệu về cơ quan tiếp nhận theo quy định;

đ) Không có hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không khắc phục sự cố hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Không kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định...

5. Khuyến khích áp dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong quá trình quản lý vận hành hệ thống quan trắc nhằm nâng cao hiệu quả giám sát và quản lý nhà nước.

Điều 4. Yêu cầu chung về quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động

1. Yêu cầu về vận hành hệ thống tại Trạm cơ sở:

a) Chủ cơ sở thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình lắp đặt, vận hành, kết nối, truyền dữ liệu và xử lý sự cố đối với hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục. Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu, hồ sơ liên quan đến hệ thống quan trắc theo yêu cầu của cơ quan quản lý;

b) Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục đảm bảo đáp ứng yêu cầu đặc tính kỹ thuật; kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục và quản lý, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Chương VII, Chương VIII của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT;

c) Tuân thủ thực hiện việc bảo đảm chất lượng hệ thống và kiểm soát chất lượng hệ thống theo quy định tại Điều 35 và Điều 38 của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT;

d) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của dữ liệu quan trắc; vận hành liên tục, ổn định hệ thống quan trắc, bảo đảm dữ liệu được thu thập, truyền nhận và lưu trữ đầy đủ, không bị gián đoạn. Trong trường hợp bảo trì, sửa chữa phải có thông báo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường;

đ) Tuân thủ chế độ báo cáo, thông báo bằng văn bản cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Yêu cầu về vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục tại Trung tâm điều hành:

a) Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm điều hành phải được quản lý vận hành ổn định, liên tục, bảo đảm khả năng tiếp nhận, lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu quan trắc tự động, liên tục từ các Trạm cơ sở; đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu theo quy định;

b) Vận hành hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu tại Trung tâm điều hành đảm bảo tiếp nhận, tổng hợp, xử lý dữ liệu; giám sát hình ảnh camera truyền về từ Trạm cơ sở; báo cáo thông tin, dữ liệu đến cơ quan quản lý kịp thời, chính xác;

c) Dữ liệu quan trắc, hình ảnh camera giám sát phải được tiếp nhận theo thời gian thực, đầy đủ, đúng định dạng và được lưu trữ an toàn, có khả năng truy xuất, sao lưu, phục hồi khi cần thiết; bảo đảm không mất dữ liệu trong suốt quá trình vận hành hệ thống;

d) Dữ liệu quan trắc phải được xử lý, kiểm tra, rà soát nhằm phát hiện các giá trị bất thường, sai lệch, gián đoạn; việc xử lý dữ liệu phải tuân thủ quy định kỹ thuật, bảo đảm không làm thay đổi bản chất dữ liệu gốc; mọi thao tác xử lý phải được ghi nhận, lưu vết và kiểm soát;

đ) Việc quản lý tài khoản truy cập hệ thống, thiết bị truyền nhận dữ liệu (Datalogger) và phần mềm quản lý phải được kiểm soát chặt chẽ, phân quyền rõ ràng.

3. Yêu cầu về thu, nhận và chia sẻ dữ liệu:

a) Việc nhận, truyền và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tuân thủ đúng theo quy định tại Chương VIII Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT;

b) Dữ liệu quan trắc được khai thác, sử dụng và chia sẻ cho các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra theo quy định; bảo đảm kịp thời, chính xác và tuân thủ quy định; công khai thông tin về môi trường theo quy định;

c) Yêu cầu cụ thể về thu, nhận và chia sẻ dữ liệu theo Chương II và Chương III của Quy chế này.

Chương II

QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC TẠI TRẠM CƠ SỞ

Điều 5. Cấu hình hệ thống và thiết bị quan trắc

Để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và truyền dữ liệu chính xác về Trung tâm điều hành, ngoài việc tuân thủ các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Hệ thống nhận, truyền và quản lý dữ liệu (Datalogger), cùng với bộ điều khiển (Datacontroller) của thiết bị quan trắc, phải được lắp đặt theo đúng quy định tại Điều 33 và Điều 36 của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

2. Đối với hệ thống camera giám sát nước thải, khí thải:

a) Camera được lắp đặt tại vị trí cửa xả của hệ thống xử lý nước thải, Camera phải có khả năng quay (ngang, dọc), bảo đảm quan sát được màu nước thải cả ban ngày và ban đêm, ghi nhận đầy đủ các đối tượng cần giám sát; đồng thời, có chức năng ghi lại hình ảnh theo khoảng thời gian, đặt lịch ghi hình;

b) Camera giám sát nguồn khí thải phải được lắp đặt tại vị trí bảo đảm quan sát được khí thải phát sinh từ tất cả các ống khói của cơ sở, đảm bảo quan sát được khí thải phát từ miệng các ống khói và quan sát được bộ điều khiển (data controller) lắp tại khu vực ống khói (nếu có); có khả năng quay (ngang, dọc), có khả năng xem ban đêm, đảm bảo quan sát rõ ràng các đối tượng cần giám sát; đồng thời, có chức năng ghi lại hình ảnh theo khoảng thời gian, đặt lịch ghi hình;

c) Camera lắp đặt bên trong nhà trạm phải bảo đảm quan sát được bộ điều khiển (Datacontroller) của thiết bị quan trắc để phục vụ mục tiêu an ninh cho nhà trạm và trích xuất dữ liệu khi có yêu cầu; có khả năng quay (ngang, dọc), quan sát được vào ban đêm, ghi nhận đầy đủ các đối tượng cần giám sát; đồng thời, có chức năng ghi lại hình ảnh theo khoảng thời gian, đặt lịch ghi hình;

d) Dữ liệu camera phải được lưu tối thiểu 03 tháng và truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phương thức truyền RTSP (Real Time Streaming Protocol- giao thức truyền tin thời gian thực) để phục vụ đối chiếu khi cần thiết.

Điều 6. Quy định về điểm quan trắc nước thải, khí thải để giám sát được việc xả thải qua hệ thống camera

1. Đối với điểm quan trắc nguồn nước thải: việc xây dựng, lắp đặt điểm quan trắc tại cửa xả của hệ thống xử lý nước thải phải đảm bảo camera quan sát được màu nước thải; vị trí điểm quan trắc phải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2. Đường ống dẫn mẫu phải được lắp đặt trực tiếp từ điểm lấy mẫu (sau hệ thống xử lý nước thải) đến thùng chứa mẫu hoặc thiết bị lấy và lưu mẫu tự động.

3. Đối với điểm quan trắc nguồn khí thải: tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Điều 7. Quy trình vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục tại Trạm cơ sở

1. Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và thực hiện quan trắc tự động đối với các thông số theo quy định tại Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Gửi văn bản đề nghị cung cấp tài khoản FTP theo quy định tại Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Gửi hồ sơ hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Điều 35 và Điều 38 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

4. Truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục về Trung tâm điều hành theo văn bản thông báo đã hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trong trường hợp việc truyền dữ liệu bị gián đoạn quá 12 tiếng phải có thông báo ngay bằng văn bản và thư điện tử (email) về nguyên nhân, các biện pháp khắc phục về sự cố gián đoạn này với Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Quản lý và vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 35 và Điều 38 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trong quá trình vận hành lưu ý thực hiện các nội dung sau:

a) Thực hiện quan trắc đối với các thông số không được đo đạc bằng thiết bị quan trắc tự động, liên tục trong thời gian thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động hoặc các thông số đo bằng thiết bị quan trắc tự động không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường từ 48 tiếng trở lên. Chủ cơ sở phải thực hiện quan trắc tối thiểu 01 lần/ngày đối với các thông số không được đo đạc bằng thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục cho tới khi thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục hoạt động trở lại; thực hiện quan trắc tối thiểu 01 lần/02 ngày đối với các thông số khí thải không được đo đạc bằng thiết bị quan trắc tự động, liên tục cho tới khi thiết bị quan trắc tự động, liên tục hoạt động trở lại và thực hiện quan trắc tối thiểu 01 lần/07 ngày đối với thông số bụi (PM) không được đo đạc bằng thiết bị quan trắc tự động, liên tục cho tới khi thiết bị quan trắc tự động, liên tục hoạt động trở lại;

b) Gửi văn bản thông báo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường trong trường hợp cần thực hiện việc bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn, thay thế linh phụ kiện, sửa chữa, thay thế các thiết bị đo và phân tích;

c) Thực hiện kiểm tra bằng chất chuẩn còn hạn sử dụng, được liên kết chuẩn theo quy định về đo lường; đánh giá độ chính xác của hệ thống quan trắc tự động, liên tục; ghi nhận đầy đủ sai số và xử lý theo quy định. Thực hiện việc kiểm soát chất lượng của hệ thống định kỳ 01 năm/lần bởi một đơn vị độc lập có đủ năng lực;

d) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc tự động, liên tục theo quy định của pháp luật về đo lường; việc kiểm định, hiệu chuẩn phải do tổ chức độc lập có chức năng được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thực hiện. Thiết bị quan trắc sau khi kiểm định, hiệu chuẩn phải được dán tem và còn hiệu lực theo quy định. Hồ sơ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị phải thể hiện đầy đủ các thông số, hệ số kỹ thuật cài đặt của thiết bị sau hiệu chuẩn, bao gồm các hệ số zero (zero offset/zero background), hệ số span, hệ số độ dốc (slope/span slope/gain), hệ số độ lệch gốc (offset) hoặc các tham số tương đương theo đặc tính kỹ thuật của thiết bị. Mọi thay đổi liên quan tới các hệ số cài đặt trên thiết bị phải được thực hiện ghi chép, lưu nhật ký và báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý;

đ) Định kỳ hằng tháng kiểm tra hoạt động của thiết bị lấy mẫu nước thải tự động; bảo đảm thiết bị hoạt động ổn định, sẵn sàng vận hành, có khả năng lấy mẫu và lưu trữ mẫu khi được kích hoạt; trường hợp thiết bị không hoạt động phải kịp thời khắc phục theo quy định. Việc kiểm tra phải được ghi nhận vào Nhật ký vận hành trạm.

6. Chế độ báo cáo công tác quản lý, vận hành Trạm cơ sở:

a) Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện báo cáo kết quả quan trắc nước thải, khí thải tự động theo cấu trúc và nội dung quy định tại mẫu số 05, mẫu số 06 (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) Phụ lục VI Thông tư 09/2026/TT-BNNMT;

b) Chủ cơ sở chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và trung thực của nội dung báo cáo; đồng thời cung cấp bổ sung thông tin, tài liệu khi có yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan về quản lý, an toàn thông tin và các quy định về yêu cầu về chia sẻ, cung cấp dữ liệu quan trắc tự động.

Chương III

QUY TRÌNH QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC TẠI TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH

Điều 8. Kết nối và tiếp nhận, quản lý, lưu trữ dữ liệu quan trắc

1. Kết nối hệ thống trước khi đưa vào vận hành chính thức:

a) Trên cơ sở văn bản đề nghị của Chủ cơ sở, có văn bản cung cấp tài khoản FTP cho Chủ cơ sở để thực hiện kết nối, truyền số liệu quan trắc;

b) Sau khi nhận hồ sơ đề nghị kết nối hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục do Chủ cơ sở gửi về, thực hiện rà soát, đối chiếu và đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về thành phần, đặc tính kỹ thuật của Trạm cơ sở theo quy định;

c) Tiến hành khảo sát, niêm phong Datalogger, thiết bị lấy mẫu tự động, các cổng kết nối và các cổng giao tiếp vật lý chưa dùng đến ngay khi đoàn khảo sát xác định trạm cơ sở đáp ứng yêu cầu. Tiếp nhận tài khoản, mật khẩu tối cao, thiết lập lại mật khẩu của Datalogger và hệ thống camera; thực hiện quản lý tập trung tài khoản truy cập hệ thống;

d) Việc niêm phong thiết bị và tiếp nhận tài khoản, mật khẩu phải được lập thành biên bản giữa đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường và đại diện chủ cơ sở theo quy định;

đ) Sau khi hoàn thành việc kết nối và bảo đảm dữ liệu được truyền ổn định, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo đã hoàn thành kết nối, truyền số liệu quan trắc để đưa hệ thống vào vận hành chính thức.

2. Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm điều hành:

a) Duy trì vận hành ổn định hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tại Trung tâm điều hành, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu quan trắc theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng;

b) Thực hiện xử lý, tổng hợp, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục phục vụ công tác quản lý nhà nước; công khai, chia sẻ dữ liệu theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Thiết lập và duy trì hệ thống sao lưu dữ liệu định kỳ; bảo đảm dữ liệu được lưu trữ an toàn, có khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố; việc sao lưu, phục hồi dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm tính sẵn sàng và toàn vẹn của dữ liệu;

d) Cung cấp dữ liệu, thông tin quan trắc cho các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Vận hành hệ thống camera giám sát nước thải, khí thải tại Trung tâm điều hành:

a) Tiếp nhận hình ảnh giám sát từ Trạm cơ sở truyền về; theo dõi, kiểm tra việc truyền dữ liệu, lưu trữ dữ liệu hình ảnh; xác định các Trạm cơ sở không truyền dữ liệu hoặc bị gián đoạn dữ liệu; ghi nhận các hình ảnh có dấu hiệu bất thường... để so sánh đối chiếu với kết quả quan trắc;

b) Trong trường hợp cần thiết, thực hiện điều khiển camera từ xa (quay, phóng to, điều chỉnh góc quan sát) để quan sát chi tiết các vị trí xả thải, thiết bị quan trắc hoặc các khu vực liên quan nhằm phục vụ công tác giám sát, kiểm tra và xác minh thông tin;

c) Thực hiện ghi nhận, lưu trữ và khai thác dữ liệu hình ảnh phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định; dữ liệu hình ảnh phải được lưu trữ tại Trung tâm điều hành tối thiểu 10 ngày.

Điều 9. Thống kê, phân tích, đánh giá dữ liệu quan trắc

1. Tiếp nhận dữ liệu quan trắc từ Trạm cơ sở truyền về Trung tâm điều hành theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

2. Thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá, tổng hợp dữ liệu quan trắc hằng ngày:

a) Việc thống kê và tổng hợp dữ liệu quan trắc được thực hiện theo thời gian thực, theo ngày, tháng, năm và theo từng Trạm cơ sở, từng thông số quan trắc; dữ liệu phải được lưu trữ tập trung, bảo đảm đầy đủ, chính xác, có khả năng truy xuất, đối chiếu khi cần thiết;

b) Thực hiện thống kê, xử lý, loại bỏ dữ liệu bất thường theo tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều này. Tổng hợp, tính toán giá trị các thông số quan trắc của chuỗi dữ liệu còn lại theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 97 và điểm d khoản 5 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

c) Ghi nhận các trường hợp bị gián đoạn dữ liệu, bao gồm: dữ liệu không truyền về hoặc gián đoạn việc truyền dữ liệu, Trạm cơ sở bị mất tín hiệu dữ liệu kéo dài không có lý do hợp lý hoặc không có thông báo theo quy định, dữ liệu bị ngắt quãng lặp lại nhiều lần trong thời gian ngắn;

d) Theo dõi, ghi nhận các giá trị thông số quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định;

đ) Lưu giữ lại tất cả các số liệu quan trắc thô và các số liệu quan trắc đã qua xử lý, kiểm duyệt. Việc loại bỏ dữ liệu phải có căn cứ kỹ thuật rõ ràng và được ghi nhận, lưu vết đầy đủ trong hồ sơ xử lý dữ liệu. Dữ liệu sau khi được rà soát và xử lý phải được lưu trữ đồng thời dưới dạng dữ liệu gốc và dữ liệu đã xử lý; bảo đảm khả năng truy xuất, đối chiếu khi cần thiết.

3. Lập cơ sở dữ liệu, lưu giữ dữ liệu từ tất cả các trạm, hệ thống quan trắc nước thải/khí thải tự động liên tục trên địa bàn Thành phố để quản lý những thông tin cơ bản: tên trạm/hệ thống, thông số đo, giá trị đo, đơn vị đo, thời gian đo và trạng thái của thiết bị đo (đang đo, hiệu chuẩn và báo lỗi thiết bị).

4. Việc giám sát dữ liệu quan trắc phải được thực hiện liên tục thông qua hệ thống phần mềm, quan trắc viên và hệ thống camera giám sát; dữ liệu phải được đối soát với hình ảnh camera, tình trạng vận hành hệ thống xử lý và các thông tin liên quan nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp không truyền dữ liệu, dữ liệu vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, dữ liệu bất thường hoặc có dấu hiệu can thiệp, làm sai lệch dữ liệu.

5. Dữ liệu bất thường được ghi nhận trong các trường hợp sau:

a) Không phát sinh lưu lượng xả thải khi hình ảnh camera ghi nhận có xả thải nhưng dữ liệu không ghi nhận hoặc ngược lại;

b) Dữ liệu quan trắc không phù hợp với hình ảnh camera giám sát (màu nước, lưu lượng, khí thải...);

c) Dữ liệu có giá trị bằng “0” kéo dài trong khi hệ thống vẫn vận hành;

d) Dữ liệu không thay đổi hoặc biến động rất nhỏ trong thời gian dài (dữ liệu “phẳng”);

- d) Dữ liệu bằng giá trị cực đại (max) của dải đo trong thời gian dài;
- e) Dữ liệu dao động đột ngột, tăng hoặc giảm bất thường trong thời gian ngắn, không phù hợp với quy luật vận hành;
- g) Giá trị đo vượt xa ngưỡng thông thường hoặc có dấu hiệu bất thường khác trong vận hành hệ thống xử lý nhưng dữ liệu không phản ánh tương ứng;
- h) Dữ liệu đo trong thời gian đã được xác định lỗi thiết bị (thiết bị báo lỗi nhưng vẫn phát sinh dữ liệu; thiết bị hoạt động không ổn định, thường xuyên hiệu chuẩn nhưng dữ liệu không thay đổi);
- i) Có hành vi nghi ngờ can thiệp dữ liệu (thay đổi thông số hệ thống, tài khoản truy cập hoặc cấu hình thiết bị không theo quy định; mở niêm phong thiết bị không có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, có dấu hiệu nghi ngờ thay đổi cấu hình thiết bị, phần mềm hoặc can thiệp hệ thống và các hành vi khác phát hiện qua camera giám sát).

Điều 10. Giám sát, quản lý vận hành hoạt động của Trạm cơ sở

1. Giám sát, quản lý vận hành hệ thống thông qua các báo cáo, thông báo của chủ cơ sở:
 - a) Tiếp nhận các thông báo, báo cáo (bằng văn bản hoặc thư điện tử) của Chủ cơ sở; thực hiện theo dõi, rà soát cập nhật kết quả thực hiện của chủ cơ sở, phân loại và quản lý hồ sơ các trạm cơ sở theo quy định;
 - b) Ban hành văn bản nhắc nhở, hướng dẫn gửi chủ cơ sở và yêu cầu khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có); đồng thời đôn đốc việc xây dựng và triển khai kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định;
 - c) Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này, tổ chức làm việc với chủ cơ sở và lập hồ sơ đề xuất xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật;
2. Giám sát, quản lý vận hành hệ thống thông qua dữ liệu quan trắc:
 - a) Hàng ngày, thực hiện theo dõi, giám sát dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục; phát hiện, ghi nhận các trường hợp dữ liệu bất thường, dữ liệu gián đoạn và các giá trị thông số quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định;
 - b) Khi phát hiện, ghi nhận các trường hợp dữ liệu bất thường, dữ liệu gián đoạn thì có văn bản thông báo, yêu cầu chủ cơ sở kiểm tra, xác định nguyên nhân và thực hiện khắc phục theo thời hạn cho phép, đồng thời theo dõi, cập nhật kết quả khắc phục của chủ cơ sở. Trường hợp chủ cơ sở không khắc phục sự cố theo yêu cầu thì tổ chức làm việc với chủ cơ sở để xác minh, làm rõ và lập hồ sơ xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật;

c) Khi phát hiện giá trị thông số quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định thì thực hiện một trong các biện pháp xử lý như sau: có văn bản thông báo đến chủ cơ sở về kết quả quan trắc tự động, sau khi có văn bản thông báo quy định tại điểm này, nếu kết quả quan trắc vẫn vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường thì tổ chức làm việc với chủ cơ sở và lập hồ sơ xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; hoặc tổ chức đo đạc, lấy mẫu hiện trường để phân tích các thông số ô nhiễm trong nước thải, khí thải, căn cứ kết quả phân tích mẫu để xem xét, xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật;

d) Tổng hợp, lập danh sách các cơ sở thường xuyên phát sinh dữ liệu bất thường, có thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc chậm khắc phục các tồn tại, sự cố của hệ thống quan trắc tự động, liên tục làm cơ sở đưa vào Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Thực hiện các hoạt động giám sát, quản lý vận hành khác:

a) Có văn bản chấp thuận cho chủ cơ sở được tháo niêm phong thiết bị của hệ thống quan trắc để thực hiện việc sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn hoặc các trường hợp cần thiết khác. Theo dõi việc thực hiện của chủ cơ sở và có văn bản đôn đốc, nhắc nhở;

b) Tổ chức thực hiện dán lại tem niêm phong khi có văn bản báo cáo hoàn thành việc sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn của chủ cơ sở. Trước khi thực hiện dán lại tem niêm phong, có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở về thời gian và nhân sự thực hiện.

4. Trường hợp dữ liệu bị gián đoạn do thiết bị quan trắc tự động ngừng hoạt động từ 48 giờ trở lên:

a) Có văn bản thông báo, yêu cầu chủ cơ sở thực hiện quan trắc theo quy định đối với các thông số không được đo đạc bằng thiết bị quan trắc tự động cho đến khi thiết bị được sửa chữa, thay thế và hoạt động, truyền dữ liệu trở lại;

b) Tiếp nhận, rà soát kết quả quan trắc định kỳ của chủ cơ sở, đồng thời theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quan trắc định kỳ đúng tần suất theo quy định và hướng dẫn thực hiện việc quan trắc cho chủ cơ sở (nếu có);

c) Tổng hợp, lập danh sách và xử lý vi phạm theo quy định đối với các trường hợp chủ cơ sở chậm khắc phục sự cố thiết bị hoặc không thực hiện quan trắc định kỳ hoặc thực hiện quan trắc định kỳ không đúng quy định.

Điều 11. Tổng hợp dữ liệu quan trắc và thực hiện báo cáo

1. Thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và lập báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng nhằm phục

vụ công tác theo dõi, giám sát và quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

2. Hàng năm, thực hiện báo cáo tổng hợp về tình hình quản lý vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn Thành phố, gửi Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Thực hiện báo cáo đột xuất hoặc các báo cáo chuyên đề khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV

KIỂM TRA HỆ THỐNG QUAN TRẮC NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC TẠI TRẠM CƠ SỞ

Điều 12. Tổ chức kiểm tra

1. Căn cứ vào tình hình thực tế công tác quản lý, vận hành hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục của các cơ sở, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất đưa các cơ sở cần kiểm tra vào Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng năm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao.

2. Việc kiểm tra công tác quản lý, vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục được thực hiện đồng thời với kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường giám sát và kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm hoặc thực hiện kiểm tra đột xuất trong trường hợp cần thiết.

3. Việc kiểm tra được thực hiện kết hợp kiểm tra hồ sơ, dữ liệu quan trắc và kiểm tra thực địa tại Trạm cơ sở.

4. Quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Nội dung kiểm tra

1. Kiểm tra việc lưu giữ hồ sơ quản lý hệ thống: danh mục các thông số quan trắc; danh mục đặc tính kỹ thuật của các thiết bị quan trắc; bản vẽ thiết kế và mô tả hệ thống; giấy chứng nhận, báo cáo kết quả kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị quan trắc của hệ thống theo quy định; Kết quả quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; nhật ký vận hành...

2. Kiểm tra hiện trạng: số lượng trạm, các thông số quan trắc tự động, liên tục; kiểm tra hiện trạng tem niêm phong; kiểm tra đường ống nước của thiết bị lấy mẫu (vị trí đầu, cuối của ống hút mẫu); kiểm tra hệ thống bồn trung gian và đường ống lấy mẫu nước thải vào bồn (trường hợp quan trắc gián tiếp); kiểm tra hệ thống camera; kiểm tra thời hạn của chất chuẩn...

Điều 14. Kết quả kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, cơ quan thực hiện kiểm tra có văn bản thông báo kết quả kiểm tra. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này, tiến hành lập hồ sơ và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện khắc phục theo thông báo kết quả kiểm tra của chủ cơ sở.

3. Trường hợp phát hiện hành vi cố ý gian lận, làm sai lệch dữ liệu, phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật, chuyển hồ sơ sang cơ quan công an nếu có dấu hiệu tội phạm.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì thực hiện các nội dung của Quy chế; tổ chức triển khai Quy chế đến các chủ cơ sở, các cơ quan đơn vị có liên quan trên địa bàn Thành phố. Rà soát, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở chủ cơ sở thực hiện lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động đúng theo quy định.

2. Quản lý vận hành hệ thống tiếp nhận, xử lý và giám sát dữ liệu quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục tại Trung tâm điều hành; bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả.

3. Thực hiện in ấn, sử dụng và quản lý tem niêm phong. Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chi tiết về vận hành hệ thống, các biểu mẫu báo cáo phục vụ việc triển khai thực hiện Quy chế.

4. Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất hoặc thông qua việc quản lý giám sát vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục của các chủ cơ sở; tổng hợp, báo cáo và đề xuất xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

5. Tổng hợp, phân tích dữ liệu quan trắc; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố và các sở, ban, ngành

1. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao Thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc triển khai thực hiện Quy chế; đôn đốc nhắc nhở các chủ cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao và cơ sở thuộc đối tượng

theo quy định khẩn trương lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trong các Khu chế xuất, khu công nghiệp, Khu công nghệ cao và Khu nông nghiệp công nghệ cao.

2. Các sở, ban, ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc triển khai thực hiện quy trình, phối hợp giám sát hoạt động quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục trên địa bàn; cung cấp thông tin, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, vận hành hệ thống quan trắc khi có yêu cầu.

3. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp thông tin, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến công tác quản lý, vận hành hệ thống quan trắc khi có yêu cầu

Điều 17. Trách nhiệm của chủ cơ sở

1. Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục được quản lý vận hành đúng quy định, dữ liệu quan trắc chính xác, trung thực và liên tục.

2. Kiểm tra, rà soát các nội dung quy định tại Quy chế này, thực hiện nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động liên tục để đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định./.